

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ YÊN BÁI  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ – ST

Ngày 30/7/2021.

V/v: “Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Vân, bà Lê Thị Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Giang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc: “ *Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1962

- *Bị đơn:* Ông Bùi Xuân T - sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Bùi Xuân T, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái. Các đương sự đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2021; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Bùi Xuân T đăng ký kết hôn tại UBND phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 14-11-1998 trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập vợ con và không chịu làm ăn lo toan kinh tế gia đình. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông Bùi Xuân T có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thu T1, sinh năm 1999 và cháu Bùi Xuân T2, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Bà và ông Bùi Xuân T có tài sản chung là diện tích 95,7 m2 đất ở đô thị (thửa số 89, tờ bản đồ số: 31-C-I-D), được UBND thành phố Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BG 706671, sổ vào sổ 00133

ngày 22-7-2011 đứng tên bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Xuân T, địa chỉ thửa đất tại Phố P (Tổ 43 cũ), phường N, TP Y. Trên đất có 01 gian nhà tập thể tường xây chung (Xây năm 2006), trị giá cả nhà và đất là 100.000.000 đồng. Nguyên vọng bà xin được sử dụng để có chỗ ở cho bà và các con. Bà có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông T là 50.000.000 đồng. Ngoài ra còn một số tài sản phục vụ sinh hoạt gia đình bà không yêu cầu chia. Bà và ông T không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như bà M đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng có bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau, nhiều lần ông có đánh đập bà M. Từ tháng 9-2020 đến nay ông và bà M đã sống ly thân. Nay bà M làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà M. Ông không nhất trí vì ông cho rằng mâu thuẫn giữa ông và bà M chưa dẫn đến phải ly hôn và ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải cho ông bà về đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung như bà M đã trình bày. Các cháu đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Ông và bà M có những tài sản chung và giá trị tài sản như bà M đã trình bày là đúng. Ông không nhất trí ly hôn; Tại phiên tòa ông đề nghị được sử dụng  $\frac{1}{2}$  diện tích đất để làm nơi ở. Ông và bà M không có nợ chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa. Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Giao cho bà M được quyền sử dụng toàn bộ tài sản chung và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Bùi Xuân T. Bà M, ông T phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”, bị đơn trú tại Bùi Xuân T, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Xuân T có đăng ký kết hôn ngày 14-11-1998 tại UBND phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Ông bà đều thừa nhận, quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông T thường xuyên đánh đập bà M, ông bà đã sống ly thân từ tháng 9-

2020 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, bà M kiên quyết xin ly hôn, ông T xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng bà M, ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung đều đã trưởng thành. Bà M, ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Xuân T có tài sản chung là diện tích 95,7 m<sup>2</sup> đất ở đô thị (thửa số 89, tờ bản đồ số: 31-C-I-D), được UBND thành phố Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BG 706671, sổ vào sổ 00133 ngày 22-7-2011 đứng tên bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Xuân T, địa chỉ thửa đất tại Phố P (Tổ 43 cũ), phường N, TP Y. Trên đất có 01 gian nhà tập thể tường xây chung (Xây năm 2006). Quá trình giải quyết ông bà thống nhất xác định trị giá cả nhà và đất là 100.000.000 đồng, không yêu cầu định giá.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08-6-2021 xác định: Diện tích đất thực tế sử dụng của bà M, ông T đúng như diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Chiều rộng theo mặt đường là 3,3m x chiều sâu là 29,0 m). Tài sản trên đất là 01 gian nhà cấp 4 xây chung tường (Kiểu nhà tập thể), bếp và công trình phụ (diện tích sử dụng 52,8 m<sup>2</sup>). Hiện nhà và đất do bà M và 02 con đang sử dụng sinh sống. Thửa đất của ông bà diện tích đất 95,7 m<sup>2</sup>, có chiều mặt đường 3,3m, nếu chia bằng hiện vật không đảm bảo công năng sử dụng của tài sản. Do đó cần giao cho bà M sử dụng, bà M có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông T là phù hợp.

[5] Các vấn đề khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị M, ông Bùi Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà M, ông T mỗi người phải chịu ½ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 1.945.000 đồng. Bà M đã nộp tạm ứng số tiền 3.892.000 đồng. Do đó ông T phải hoàn trả cho bà M số tiền là: 1.945.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 33; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Bùi Xuân T.

## 2. Về tài sản chung:

2.1 Giao cho bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu 01 gian nhà cấp 4 xây chung tường (Nhà tập thể), bếp và công trình phụ diện tích là 52,8 m<sup>2</sup> và quyền sử dụng thửa đất số: 89 tờ bản đồ số: 31-C-I-D có diện tích 95,7 m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BG 706671, số vào sổ 00133 ngày 22-7-2011. Địa chỉ thửa đất: Phố P (Tổ 43 cũ), phường N, TP Y đứng tên bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Xuân T.

2.2 Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho ông Bùi Xuân T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Bà M, ông T mỗi người phải chịu 1.945.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ. Bà M đã nộp số tiền 3.892.000 đồng. Ông Bùi Xuân T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 1.945.000 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

4. Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

## 5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 2.500.000 đồng tiền án phí chia tài sản, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 1.550.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0006786 ngày 02-3-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Bà M còn phải nộp 1.250.000 đồng.

Ông Bùi Xuân T phải nộp 2.500.000 đồng tiền án phí chia tài sản.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Y;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Y;
- Các đương sự;
- UBND phường N;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã Ký)**

**Nguyễn Thế Hòa**





